

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/KDTM-ST

Ngày: 31-5-2021

V/v tranh chấp Hợp đồng mua
bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Kim Thanh

2. Ông Phan Hữu Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2021/TLST-KDTM, ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2021/QĐXXST-KDTM, ngày 27 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 207/2021/QĐST-KDTM, ngày 13 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty A. Trụ sở: khóm A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (Có mặt).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Duy C - Chức vụ Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Tấn Đ - Chức vụ Kế toán trưởng, theo Giấy ủy quyền số 0607/GUQ-ACECO-KTTC, ngày 01/3/2021, của Công ty A.

Bị đơn: Công ty B. Trụ sở: đường T, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tấn B- Chức vụ Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 3 năm 2021 nguyên đơn thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Trong năm 2018, 2019 Công ty B (gọi tắt là Công ty B) có ký với Công ty A các hợp đồng kinh tế như sau:

Hợp đồng kinh tế số 3398/HĐ-ACECO-KD, ngày 31/8/2018 về việc mua bán cọc bê tông ly tâm với giá trị hợp đồng là 829.400.000đồng và biên bản thay đổi hợp đồng số 4127/BB-ACECO-KD, ngày 16/10/2018 với giá trị hợp đồng là 743.270.000đồng. Thẻ thức thanh toán của hợp đồng: Đợt 01 tạm ứng 30% giá trị hợp đồng sau khi có thông báo nhận cọc đại trà, đợt 02 sau khi giao hàng đạt 100% khối lượng thanh toán tiếp 20% giá trị hợp đồng, phần còn lại thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Giá trị thực hiện là 743.270.000đồng (theo hóa đơn số 2244 ngày 04/12/2018 và các phiếu giao hàng: 14 & 15 ngày 04/9/2018, 184 & 185 ngày 19/10/2018, 211 & 212 ngày 23/10/2018, 217 & 218 ngày 24/10/2018, 260 & 261 ngày 29/10/2019, 01 ngày 01/11/2018, 138 & 139 ngày 13/11/2018, 144 & 145, ngày 14/11/2018, 162 ngày 15/11/2018, 175 & 176 ngày 16/11/2018, 202 & 203 ngày 19/11/2018), số tiền đã thanh toán 323.000.000đồng (Trong đó: Thanh toán lần 01 ngày 23/10/2018: 223.000.000đồng, thanh toán lần 02 ngày 02/10/2019: 100.000.000đồng), số tiền còn lại chưa thanh toán là 420.270.000đồng, thời gian vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng kể từ ngày 03/01/2019.

Hợp đồng kinh tế số 3535/HĐ-ACECO-KD, ngày 08/9/2018 về việc mua bán cọc bê tông ly tâm với giá trị hợp đồng là 513.084.000đồng và biên bản thay đổi hợp đồng số 3600/BB-ACECO-KD, ngày 12/9/2018 với giá trị hợp đồng là 523.809.000đồng. Thẻ thức thanh toán của hợp đồng: Đợt 01 tạm ứng 30% giá trị hợp đồng sau khi có thông báo nhận cọc đại trà, đợt 02 sau khi giao hàng đạt 100% khối lượng thanh toán tiếp 20% giá trị hợp đồng, phần còn lại thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Giá trị thực hiện là 523.809.000đồng (theo hóa đơn số 2183 ngày 23/11/2018 và các phiếu giao hàng: 135 ngày 18/9/2018, 269 & 270 ngày 30/10/2018, 273 & 274 ngày 31/10/2018, 03 & 04 ngày 01/11/2018, 11 & 12 ngày 02/11/2018, 58 & 59 ngày 06/11/2018, 74 & 75 ngày 07/11/2018, 81 & 82, ngày 07/11/2018, 89 & 90 ngày 09/11/2018, 108 & 109 ngày 12/11/2018, 140 & 143 ngày 14/11/2018), số tiền đã thanh toán 157.142.700đồng (Trong đó: Thanh toán lần 01 ngày 30/10/2018: 50.000.000đồng, thanh toán lần 02 ngày 06/11/2018: 107.142.700đồng), số tiền còn lại chưa thanh toán là 366.666.300đồng, thời gian vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng kể từ ngày 23/12/2018.

Hợp đồng kinh tế số 5076/HĐ-ACECO-KD, ngày 23/11/2018 về việc mua bán cọc bê tông ly tâm với giá trị hợp đồng là 418.880.000đồng và biên bản thay đổi hợp đồng số 5605/BB-ACECO-KD, ngày 27/12/2018 với giá trị hợp đồng là 549.032.000đồng. Thẻ thức thanh toán của hợp đồng: Đợt 01 tạm ứng 30% giá trị hợp đồng sau khi có thông báo hợp đồng, đợt 02 sau khi giao hàng đạt 100% khối

lượng thanh toán tiếp 20% giá trị hợp đồng trong vòng 07 ngày, phần còn lại thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Giá trị thực hiện là 549.032.000đồng (theo hóa đơn số 2519 ngày 15/01/2019 và các phiếu giao hàng: 03, 04, 05 & 06 ngày 02/01/2019, 79 ngày 08/01/2019, 111 ngày 11/01/2019), số tiền đã thanh toán 125.664.000đồng vào ngày 10/12/2018, số tiền còn lại chưa thanh toán là 423.368.000đồng, thời gian vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng kể từ ngày 14/02/2019.

Hợp đồng kinh tế số 155/HĐ-ACECO-KD, ngày 10/01/2019 về việc mua bán cọc bê tông ly tâm với giá trị hợp đồng là 947.232.000đồng và biên bản thay đổi hợp đồng số 0805/BB-ACECO-KD, ngày 11/03/2019 với giá trị hợp đồng là 1.159.752.000đồng. Thể thức thanh toán của hợp đồng: Đợt 01 tạm ứng 30% giá trị hợp đồng sau khi ký hợp đồng, đợt 02 sau khi giao hàng đạt 100% khối lượng thanh toán tiếp 20% trong vòng 07 ngày, phần còn lại thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Giá trị thực hiện là 1.059.564.000đồng (theo hóa đơn số 3003 ngày 22/4/2019 và các phiếu giao hàng: 65 ngày 15/02/2019, 110 ngày 18/02/2019, 262 & 263 ngày 20/3/2019, 324 & 325 ngày 25/3/2019, 383 ngày 28/3/2019, 391 ngày 29/3/2019, 409 ngày 30/3/2019, 07 & 08, ngày 01/4/2019, 22 & 23 ngày 02/4/2019, 52 ngày 03/4/2019, 84 & 85 ngày 05/4/2019, 123 & 124 ngày 08/4/2019), số tiền đã thanh toán 231.950.400đồng vào ngày 19/3/2019 số tiền còn lại chưa thanh toán là 827.613.000đồng, thời gian vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng kể từ ngày 22/5/2019.

Tổng số tiền nợ gốc mà Công ty B còn phải thanh toán cho Công ty A là 2.037.917.900đồng. Trong quá trình thực hiện giao dịch đã được thể hiện qua các văn bản giữa hai công ty như: Hợp đồng kinh tế, biên bản thay đổi hợp đồng, quyết toán giá trị và khối lượng thực hiện, cam kết thanh toán, biên bản đối chiếu công nợ.

Theo quy định tại Điều 4 “Điều khoản thanh toán” của các hợp đồng nêu trên, số tiền nợ gốc trên đã quá hạn thanh toán. Công ty A đã nhiều lần xác nhận công nợ và đề nghị Công ty B thanh toán phần còn lại và Công ty B đã cam kết thanh toán nhưng vẫn không thanh toán cho Công ty A.

Ngày 30/3/2020, Công ty A đã khởi kiện ra Tòa án và vụ việc đã được tiến hành hòa giải vào ngày 02/7/2020. Công ty B cam kết thanh toán theo biên bản thỏa thuận thanh toán số 2609/BB-ACECO - KTTC, ngày 02/7/2020. Công ty A đã rút đơn khởi kiện ngày 03/7/2020 và Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

Tuy nhiên đến ngày 28/02/2021, Công ty B chỉ thanh toán cho Công ty A số tiền 300.000.000đồng (Trong đó: Ngày 14/9/2020 là 200.000.000đồng và ngày 23/10/2020 là 100.000.000đồng). Như vậy, Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trên số tiền nợ gốc còn phải trả cho Công ty A đến ngày 28/02/2021 là 1.737.917.900đồng.

Số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán của số tiền còn nợ phải trả cho Công ty A đến ngày 28/02/2021 là 335.550.304 đồng.

Do vậy, Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty B có nghĩa vụ trả cho Công ty A số tiền nợ gốc và lãi phát sinh là 2.073.468.204 đồng (Hai tỷ, không trăm bảy mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn, hai trăm lẻ bốn đồng).

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bị đơn vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến, không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; cũng như không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa ngày 31 tháng 5 năm 2021:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền mua hàng hóa là cọc bê tông ly tâm. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố L, tỉnh An Giang. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2.2] Về thủ tục ủy quyền: Nguyên đơn ủy quyền cho ông Đ. Việc ủy quyền phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, ông Đ tham gia với tư cách người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo quy định tại khoản 4 Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi phát sinh là 2.073.468.204 đồng. Trong đó: Nợ gốc

1.737.917.900đồng và lãi là 335.550.304đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn cung cấp các chứng cứ gồm: Hợp đồng kinh tế số 3398/HĐ-ACECO-KD, ngày 31/8/2018; số 3535/HĐ-ACECO-KD, ngày 08/9/2018; số 5076/HĐ-ACECO-KD, ngày 23/11/2018; số 155/HĐ-ACECO-KD, ngày 10/01/2019; biên bản thỏa thuận thanh toán số 2609/BB-ACECO - KTTC, ngày 02/7/2020; các hóa đơn và phiếu giao hàng cho bị đơn. Căn cứ vào biên bản thỏa thuận thanh toán được xác lập giữa nguyên đơn với bị đơn ngày 02/7/2020 thể hiện tổng số nợ bị đơn còn nợ nguyên đơn là 2.037.917.900đồng.

Đối với yêu cầu trả số nợ gốc 1.737.917.900đồng. Theo nguyên đơn trình bày sau khi ký biên bản thỏa thuận thanh toán ngày 02/7/2020 thì phía bị đơn có trả cho nguyên đơn được 300.000.000đồng (Trong đó: Ngày 14/9/2020 là 200.000.000đồng và ngày 23/10/2020 là 100.000.000đồng). Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, cũng không tham dự các buổi tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; không tham dự phiên tòa nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xác định bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn xong số tiền 2.037.917.900đồng. Căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc 1.737.917.900đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả lãi 335.550.304 đồng từ ngày 02/7/2020 đến ngày 28/02/2021.

Căn cứ vào nội dung thứ 4 của Biên bản thỏa thuận thanh toán ngày 02/7/2020 thể hiện nội dung *“Bị đơn thanh toán tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán theo quy định hợp đồng đến ngày 29/02/2020 (theo đơn khởi kiện). Nếu bị đơn không thanh toán đúng theo cam kết nêu trên thì nguyên đơn sẽ tiếp tục tính lãi theo quy định hợp đồng đã ký cho đến khi đơn vị trả hết số nợ trên”*.

Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận:

+ Tháng 8/2020: Chậm nhất đến ngày 30/8/2020 số tiền thanh toán là 400.000.000đồng;

+ Tháng 9/2020 trở đi: Chậm nhất đến ngày cuối cùng của tháng, mỗi tháng thanh toán số tiền 200.000đồng cho đến khi hết số tiền còn nợ.

Tuy nhiên, tính đến nay thì phía bị đơn chỉ mới thanh toán cho nguyên đơn thêm được 300.000.000đồng nên đã vi phạm thỏa thuận giữa các bên. Do đó, yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn là có căn cứ.

Căn cứ vào Điều 4. Điều khoản thanh toán của 04 hợp đồng mà các bên ký kết thỏa thuận *“Trường hợp bị đơn không thanh toán đúng hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày quá hạn thì phải chịu lãi quá hạn theo lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP BIDV CN An Giang tại thời điểm phát sinh, nếu sau thời hạn trên thì phải chịu lãi quá hạn theo lãi suất 150% x lãi suất vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP BIDV CN An Giang”*.

Căn cứ Công văn số 499, ngày 02/4/2021 của Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh An Giang xác định mức lãi suất cho vay ngắn hạn

thấp nhất hiện Ngân hàng áp dụng là 7,35%/năm. Tuy nhiên, phía nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất với mức lãi suất là 6,5%/năm và chỉ tính đến ngày 28 tháng 02 năm 2021. Yêu cầu tính lãi này của nguyên đơn là có lợi cho phía bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tổng gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 2.073.468.204đồng.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật; nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 85, khoản 4 Điều 147, 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 24, 50, 55 và 306 Luật thương mại;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A 2.073.468.204đồng (Hai tỷ, không trăm bảy mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn, hai trăm lẻ bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty B phải nộp 73.469.000đồng (Bảy mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi chín nghìn đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty A được nhận lại 36.735.000đồng (Ba mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002022 ngày 12 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

5/ Về quyền kháng cáo:

Công ty A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bé Thu